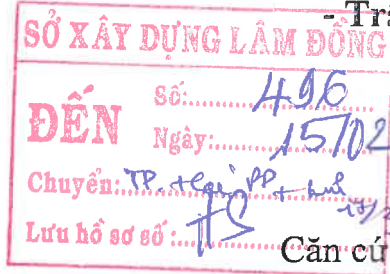


Số: 60 /QB-UBND

Lâm Đồng, ngày 11 tháng 01 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt quy hoạch phân khu Khu vực đường Huyện Trần Công Chúa - Y Dinh - Nguyễn Đình Quân - Hoàng Văn Thụ (Khu A1) và khu vực đường Huyện Trần Công Chúa - Hoàng Văn Thụ - Ngô Thì Sỹ - Trần Lê (Khu A2), phường 4, phường 5, thành phố Đà Lạt**



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/06/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2008 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 704/QĐ-TTg ngày 12/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Lạt và vùng phục cận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Văn bản số 7419/UBND ngày 08/11/2016 của UBND thành phố Đà Lạt và Văn bản số 254/SXD-QHKT ngày 16/12/2016 của Sở Xây dựng về việc đề nghị phê duyệt quy hoạch phân khu Khu vực đường Huyện Trần Công Chúa - Y Dinh - Nguyễn Đình Quân - Hoàng Văn Thụ (Khu A1) và khu vực đường Huyện Trần Công Chúa - Hoàng Văn Thụ - Ngô Thì Sỹ - Trần Lê (Khu A2), phường 4, phường 5 thành phố Đà Lạt,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quy hoạch phân khu Khu vực đường Huyện Trần Công Chúa - Y Dinh - Nguyễn Đình Quân - Hoàng Văn Thụ (Khu A1) và khu vực đường Huyện Trần Công Chúa - Hoàng Văn Thụ - Ngô Thì Sỹ - Trần Lê (Khu A2), phường 4, phường 5 thành phố Đà Lạt, tỷ lệ 1/2000 với những nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên đồ án quy hoạch:** quy hoạch phân khu Khu vực đường Huyện Trần Công Chúa - Y Dinh - Nguyễn Đình Quân - Hoàng Văn Thụ (Khu A1) và khu vực đường Huyện Trần Công Chúa - Hoàng Văn Thụ - Ngô Thì Sỹ - Trần Lê (Khu A2), phường 4, 5 thành phố Đà Lạt.

**2. Phạm vi quy hoạch:**

**a) Vị trí:** phường 4 và phường 5, thành phố Đà Lạt.

**b) Giới cận:**

- Phía Bắc: giáp đường Hoàng Văn Thụ, Nguyễn Đình Quân, Khu quy hoạch chỉnh trang dọc suối Cam Ly - Khu di tích thắng cảnh thác Cam Ly - Khu di tích lăng Nguyễn Hữu Hào.

- Phía Nam: giáp đường Huyền Trân Công Chúa, Ngô Thì Sĩ.

- Phía Đông: giáp đường Trần Lê, Pasteur.

- Phía Tây: giáp đường vành đai ngoài thành phố Đà Lạt (đường Y Dinh), Khu dân cư số 4.

**3. Diện tích quy hoạch:** 1.087.000m<sup>2</sup> (108,7 ha); Trong đó: Khu vực A1 có diện tích 57,0 ha và Khu vực A2 có diện tích 51,7 ha.

**4. Nội dung quy hoạch:****4.1. Cơ cấu sử dụng đất:**

STT	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở	528.512	48,62
2	Đất công cộng	2.638	0,24
3	Đất giáo dục	110.820	10,20
4	Đất tôn giáo	59.448	5,47
5	Đất công viên cảnh quan - mặt nước	170.711	15,70
6	Đất nông nghiệp sạch đô thị	4.766	0,44
7	Đất giao thông	210.105	19,33
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.087.000</b>	<b>100</b>

**4.2. Chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc:** Tổng diện tích xây dựng công trình kiến trúc trong khu quy hoạch 350.559 m<sup>2</sup>, mật độ xây dựng gộp của phân khu 32,25%. Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc cho từng khu đất cụ thể như sau:

**a) Đối với các khu đất ở:**

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao (tầng)	Khoảng lùi (m)
1	Nhà biệt lập 1	BL01	84.203	50	2-3	3,0
2	Nhà biệt lập 2	BL02	11.297	50	2-3	3,0 - 4,5
3	Nhà biệt lập 3	BL03	15.772	50	2-3	3,0 - 4,5
4	Nhà biệt lập 4	BL04	9.632	50	2-3	3,0
5	Nhà biệt lập 5	BL05	8.629	50	2-3	3,0
6	Nhà biệt lập 6	BL06	7.503	50	2-3	3,0
7	Nhà biệt lập 7	BL07	12.431	50	2,0	3,0
8	Nhà biệt lập 8	BL08	4.552	50	2,0	3,0
9	Nhà biệt lập 9	BL09	4.570	50	2,0	3,0
10	Nhà biệt lập 10	BL10	9.480	50	2,0	3,0

11	Nhà biệt lập 11	BL11	4.602	50	2,0	3,0
12	Nhà biệt lập 12	BL12	5.978	50	2-3	3,0
13	Nhà biệt lập 13	BL13	20.419	50	2-3	Hoàng Văn Thụ: 4,5m Gio An: 3m
14	Nhà biệt lập 14	BL14	11.520	50	2-3	
15	Nhà biệt lập 15	BL15	15.333	50	2-3	
16	Nhà biệt lập 16	BL16	9.665	50	2-3	3,0
17	Nhà biệt lập 17	BL17	5.655	40	2,0	3,0
18	Nhà biệt lập 18	BL18	11.844	50	2-3	3,0
19	Nhà biệt lập 19	BL19	16.069	40	2,0	3,0
20	Nhà biệt lập 20	BL20	20.260	50	2-3	3,0
21	Nhà biệt lập 21	BL21	20.826	40	2,0	3,0
22	Nhà biệt lập 22	BL22	5.306	50	2-3	3,0 - 4,5
23	Nhà biệt lập 23	BL23	12.426	40	2,0	3,0
24	Nhà biệt lập 24	BL24	11.240	50	2,0	3,0
25	Nhà biệt lập 25	BL25	4.410	50	2,0	3,0
26	Nhà biệt lập 26	BL26	9.152	50	2,0	3,0
27	Nhà biệt lập 27	BL27	10.791	50	2-3	3,0 - 4,5
28	Nhà liên kế sân vườn 1	LKSV1	3.852	80	2-3	2,4
29	Nhà liên kế sân vườn 2	LKSV2	12.793	80	2-3	2,4
30	Nhà liên kế sân vườn 3	LKSV3	11.689	70	2-3	2,4
31	Nhà liên kế sân vườn 4	LKSV4	21.727	70	2-4	2,4
32	Nhà liên kế sân vườn 5	LKSV5	10.096	70	2-4	2,4
33	Nhà liên kế sân vườn 6	LKSV6	2.768	70	2-3	2,4
34	Nhà liên kế sân vườn 7	LKSV7	15.310	70	2-3	2,4
35	Nhà liên kế sân vườn 8	LKSV8	8.072	70	2-3	2,4
36	Nhà liên kế sân vườn 9	LKSV9	9.830	70	2-3	2,4
37	Nhà liên kế sân vườn 10	LKSV10	14.244	70	2-4	2,4 - 4,5
38	Nhà liên kế sân vườn 11	LKSV11	10.411	70	2-4	2,4 - 4,5
39	Nhà liên kế sân vườn 12	LKSV12	34.601	70	2-3	2,4
40	Chung cư thu nhập thấp	CCTNT	1.054	66,5	5,0	3,0
41	Khu nhà ở tập thể chi nhánh Ngân hàng nhà nước tỉnh Lâm Đồng	QHDP	8.500	36,0	2,0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>528.512</b>			

**b) Đối với các khu đất công trình công cộng:**

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao (tầng)	Khoảng lùi (m)
1	Hội trường khu phố	CC1	842	40	2,0	6,0
2	Đài đức mẹ 1	CC2	219	10		

3	Đài đức mẹ 2	CC3	50	10		
4	Đài đức mẹ 3	CC4	9	10		
5	Hội trường khu phố	CC5	245	50	3,0	6,0
6	Hội trường khu phố	CC6	587	50	3,0	6,0
7	Miếu làng	CC7	107	25	2,0	6,0
8	Tượng phật Quan Âm	CC8	197			
9	Hội trường khu phố	CC9	80	50	3,0	6,0
10	Hội trường khu phố	CC10	302	50	3,0	6,0
<b>Tổng cộng</b>			<b>2.638</b>			

**c) Đối với các khu đất công trình giáo dục:**

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao (tầng)	Khoảng lùi (m)
1	Trường tiểu học Nam Thiên	GD1	12.352	40	3,0	6,0
2	Trường trung học dân tộc nội trú tỉnh Lâm Đồng	GD2	36.303	40	3,0	6,0
3	Đất giáo dục dự trữ	GD3	3.010	40	3,0	6,0
4	Trường cao đẳng nghề Đà Lạt	GD4	49.928	40	4,0	6,0
5	Công trình giáo dục (dự trữ)	GD5	9.023	40	3,0	6,0
6	Trường mầm non tư thục Thiện Ý	GD6	204	40	3,0	6,0
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>110.820</b>			

**d) Đối với các khu đất công trình tôn giáo:**

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao (tầng)	Khoảng lùi (m)
1	Tu viện Đức Bà Lâm Viên	TG1	17.173	25	2,0	6,0
2	Hội đồng Mến Thánh Gia Khiết Tâm Công Đoàn Du Sinh (tr. Mầm non du sinh)	TG2	5.130	25	2,0	6,0
3	Nhà thờ Du Sinh	TG3	17.515	25	2,0	6,0
4	Nhà nguyện đức mẹ Mân Côi	TG4	914	25	2,0	6,0
5	tu viện MTG Khiết Tâm Lâm Viên (mẫu giáo tư du sinh)	TG5	3.392	25	2,0	6,0
6	Đình	TG6	345	25	2,0	6,0
7	Chùa lâm Tỳ Ny Quan Âm Tự	TG7	5.806	25	2,0	6,0
8	Chùa Hương Quang	TG8	734	25	2,0	6,0
9	Nhà thờ Minh Giáo	TG9	3.477	25	2,0	6,0

10	Nhà xứ Minh Giáo	TG10	754	25	2,0	6,0
11	Tu hội tận hiến ICM 1	TG11	2.362	25	2,0	6,0
12	Tu hội tận hiến ICM 2	TG12	627	25	2,0	6,0
13	Tu hội tận hiến ICM 3	TG13	700	25	2,0	6,0
14	Tĩnh thất Ngọc Hòa	TG14	60	25	2,0	6,0
<b>Tổng cộng</b>			<b>59.448</b>			

**đ) Đối với đất công viên cảnh quan - đất nông nghiệp sạch đô thị - mặt nước**

- Khu vực phường 4: Tổng diện tích công viên cây xanh: 44.642m<sup>2</sup> chia thành 05 khu vực có lý hiệu CX7 đến CX11, tạo mảng xanh cho đô thị và cây xanh cách ly 4m nhằm bảo vệ lòng suối.

- Khu vực phường 5: Tổng diện tích công viên cây xanh: 130.835m<sup>2</sup> chia thành 06 khu vực có lý hiệu CX1 đến CX6, tạo mảng xanh cho đô thị, ngoài công trình xây dựng, trồng thêm cây xanh tạo cảnh quan cho toàn khu vực.

- Các công viên cây xanh cảnh quan được bố trí xung quanh các suối hiện hữu theo định hướng của Quyết định số 704/QĐ-TTg ngày 12/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tại vị trí thung lũng và trong hành lang bảo vệ suối được quy hoạch trồng cây xanh để tạo mảng xanh cho đô thị, không gian thông thoáng cho khu ở. Suối được cải tạo, nạo vét, vệ sinh thường xuyên để đảm bảo khơi thông dòng chảy, bảo vệ môi trường.

- Chỉ giới suối : 14,7m; Lòng suối rộng 6,7m; dải cây xanh ven suối mỗi bên 4m.

- Đất xây dựng công viên cảnh quan, mặt nước và đất nông nghiệp sạch đô thị cụ thể theo bảng sau:

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Chi chú
1	Công viên cảnh quan - mặt nước	CX1	5.202	Phường 5
2	Công viên cảnh quan - mặt nước	CX2	9.130	
3	Công viên cảnh quan	CX3	66.106	
4	Công viên cảnh quan	CX4	20.247	
7	Đất nông nghiệp sạch đô thị	CX5	4.766	
8	Công viên cảnh quan	CX6	25.384	
9	Công viên cảnh quan	CX7	14.641	Phường 4
10	Công viên cảnh quan	CX8	14.465	
11	Công viên cảnh quan	CX9	12728	
12	Công viên cảnh quan	CX10	268	
13	Cây xanh dọc suối	CX11	2.540	
<b>Tổng cộng</b>			<b>175.477</b>	

### 4.3. Quy hoạch giao thông:

#### a) Quy mô của các tuyến đường:

- Đường trục chính đô thị (Hoàng Văn Thụ, Pasteur, Trần Lê): Lộ giới 20m (lòng đường rộng 12m, vỉa hè mỗi bên rộng 4m).

- Đường trục chính khu quy hoạch:

+ Đường Y Dinh, An Tôn): lộ giới 24m (lòng đường rộng 14 m, vỉa hè mỗi bên rộng 5m).

+ Đường Nguyễn Đình Quân: lộ giới 16m (lòng đường rộng 8m, vỉa hè mỗi bên rộng 4m).

+ Đường Ngô Thị Sỹ: lộ giới 14m (lòng đường rộng 8m, vỉa hè mỗi bên rộng 3m).

- Đường nội bộ và đường hẻm

+ Đường nội bộ: lộ giới 10m, (lòng đường rộng 5m, vỉa hè mỗi bên rộng 2,5m hoặc lòng đường rộng 6m, vỉa hè mỗi bên rộng 2m).

+ Đường hẻm lộ giới 8m: lòng đường rộng 5m, vỉa hè mỗi bên rộng 1,5m.

+ Đường hẻm lộ giới 6,5m: lòng đường rộng 6,5m.

+ Đường hẻm: lộ giới 5m: lòng đường rộng 5m.

**b) Tổng diện tích đất giao thông: 210.105,00m<sup>2</sup>, cụ thể:**

STT	Tên đường	Lộ giới (m)	Phần đường trong ranh (m)	Chiều dài (m)	Diện tích (m <sup>2</sup> )
1	An Tôn	24	24	442,60	10.622,40
2	Y Dinh	24	5	357,00	1.785,00
3	Hoàng Văn Thụ	20	16	1.422,58	22.761,28
4	Trần Lê, đường Pasteur	20	20	660,00	13.200,00
5	An Tôn, Huyện Trần Công Chúa	16	16	1.523,26	24.372,16
6	Nguyễn Đình Quân	16	12	587,69	7.052,28
7	Huyện Trần Công Chúa	16	4	296,00	1.184,00
8	Ngô Thị Sỹ	14	14	1.078,46	15.098,44
9	Đường nội bộ	10	10	7.023,70	70.237,00
10	Đường hẻm	8	8	3.526,32	28.210,56
11	Đường hẻm	6,5	6,5	384,40	2.498,60
12	Đường hẻm	5	5	1.784,00	8.920,00
13	Diện tích các nút giao, sân bãi và đường hẻm <=4m...				4.163,28
	<b>Tổng cộng</b>			<b>19.086,01</b>	<b>210.105,00</b>

### 4.4. Các giải pháp kỹ thuật hạ tầng chủ yếu:

#### a) Về san nền:

- Yêu cầu khi thiết kế san lấp, phải hạn chế thấp nhất việc phá vỡ địa hình tự nhiên, không xâm hại đến môi trường, cảnh quan khu vực.

- Đối với những vị trí đất thuộc khu quy hoạch xây dựng mới, nếu cần thiết phải san gạt cục bộ để tạo mặt bằng xây dựng thì cốt nền san gạt phải bám theo cốt tim đường hiện trạng hoặc cốt đường quy hoạch mới.

- Trong quá trình triển khai quy hoạch chi tiết, thiết kế công trình phải triệt để tận dụng địa hình tự nhiên. Trường hợp phải san gạt địa hình thì chỉ được san gạt cục bộ tại từng vị trí đặt công trình, cân bằng diện tích đất đào đắp cho phù hợp.

#### **b) Về cấp điện và chiếu sáng công cộng:**

- Tổng công suất phụ tải điện khu A2 là 7.334,49KVA.

- Tổng công suất phụ tải điện khu A1 là 5.918,9KVA.

- Nguồn điện cấp cho khu vực quy hoạch là trạm 110/22KV - 40MVA Đà Lạt 1, được đấu nối rẽ nhánh với lưới điện trung thế 22KV hiện hữu đi dọc theo đường giao thông trong khu vực A1, A2. Lưới điện trung thế 22KV xây dựng mới được thiết kế đi ngầm theo hành lang của các đường nội bộ trong khu quy hoạch, cấp điện đến các trạm biến áp cho từng khu vực.

- Đường dây hạ thế 0,4 KV được thiết kế dọc hành lang các tuyến đường nội bộ, lấy điện từ các trạm biến áp đưa đến từng phụ tải tiêu thụ điện.

- Tuyến dây chiếu sáng công cộng lấy điện từ trạm biến áp khu vực, đóng ngắt tự động theo thời gian. Chiếu sáng đường giao thông chính, đường dạo bộ trong dự án, công viên, ... có độ sáng và hình thức thẩm mỹ phù hợp, đảm bảo tiêu chuẩn quy định.

- Các trạm biến áp là loại trạm hợp bộ 22/0,4KV được lắp đặt ở từng cụm phụ tải với bán kính cấp điện tối đa là 400m để đảm bảo chất lượng cấp điện.

#### **c) Về cấp nước và phòng cháy chữa cháy:**

- Tổng lưu lượng dùng nước sinh hoạt 4.105,2 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hệ thống đường ống cấp nước được thiết kế, cải tạo hoặc lắp mới đi ngầm dọc theo các tuyến đường quy hoạch.

- Bố trí các trụ chữa cháy dọc theo các trục đường giao thông theo đúng quy định hiện hành về phòng cháy chữa cháy.

#### **d) Về thoát nước:**

- Nước mưa và nước mặt: thu gom qua hệ thống mương công chung của khu vực, dẫn về các hố ga lắng cục bộ và có lưới chắn rác trước khi thải trực tiếp ra suối tự nhiên hoặc ra hệ thống thu gom của thành phố hiện có trong khu quy hoạch.

- Nước thải sinh hoạt từ các công trình trong khu quy hoạch được thu gom theo hệ thống thoát nước thải, nối vào hệ thống thu gom và thoát nước thải tập trung của thành phố Đà Lạt trên đường Huyền Trân Công Chúa và khu vực dọc

suối Cam Ly. Hệ thống thu gom nước thải của khu quy hoạch bao gồm các hố ga và các đường ống được xây dựng ngầm. Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt của khu quy hoạch 3.284 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**e) Vệ sinh môi trường:**

- Rác thải từ các khu chức năng phải được tổ chức phân loại, thu gom thường xuyên trong ngày, sau đó chuyển đến điểm tập kết tại từng khu vực đưa đi xử lý theo quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Chất lượng không khí, tiếng ồn, tài nguyên đất, nước mặt, nước ngầm phải đảm bảo theo các tiêu chuẩn, quy định hiện hành về vệ sinh môi trường trong quá trình thi công và hoàn thành đưa công trình trong khu quy hoạch vào hoạt động.

**4.5. Các giải pháp giảm thiểu tác động môi trường:**

- Duy trì và phát triển tỷ lệ các loại đất theo đồ án quy hoạch được duyệt nhằm phát huy hiệu quả sử dụng đất, bảo vệ không gian cảnh quan.

- Xây dựng công trình bám theo địa hình tự nhiên, đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật; thường xuyên dọn dẹp, vệ sinh trên các tuyến đường; tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt, chất thải của sản xuất để xử lý đúng quy định.

- Hạn chế tối đa các tác động làm hạ mực nước ngầm, nước thải sinh hoạt và nước mưa được thu gom và xử lý theo các quy định hiện hành.

- Quy định cụ thể về tải trọng xe, điều kiện lưu thông đối với từng loại phương tiện và từng tuyến đường lưu thông để hạn chế ô nhiễm không khí và tiếng ồn.

- Dành diện tích đất phù hợp để trồng cỏ, cây xanh bên trong khu quy hoạch để duy trì nguồn nước dưới đất, đồng thời tạo cảnh quan môi trường thoáng mát, giảm ô nhiễm không khí.

**4.6. Hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện:**

**a) Hạng mục ưu tiên:**

- Đầu tư hệ thống giao thông và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật.
- Cải tạo suối và mương thoát nước trong khu vực quy hoạch.
- Tiếp tục quản lý bảo vệ cây xanh và trồng thêm cây xanh đường phố theo quy hoạch.

**b) Nguồn lực:**

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước địa phương;
- Các nguồn viện trợ, đầu tư của các tổ chức trong và ngoài nước;
- Thông qua cơ chế, chính sách thu hút đầu tư dự án; đẩy mạnh xã hội hóa trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hoá - thể thao...



- Khai thác các quỹ đất, tài sản công, tài nguyên của địa phương và các nguồn lực khác để tạo vốn xây dựng hệ thống hạ tầng.

(Chi tiết cụ thể theo bản đồ quy hoạch tỷ lệ 1/2000 do Công ty TNHH Kiến trúc Lâm Đồng lập và Sở Xây dựng thẩm định tại văn bản số 254/SXD-QHKT ngày 16/12/2016).

## **Điều 2.**

1. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt có trách nhiệm:

a) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày quy hoạch được phê duyệt tổ chức công bố quy hoạch được duyệt bằng nhiều hình thức (tổ chức hội nghị công bố tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; trưng bày công khai thường xuyên bản vẽ tại nơi công cộng, tại cơ quan quản lý quy hoạch, Ủy ban nhân dân phường 4, phường 5...) để các tổ chức cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện.

b) Tổ chức việc thực hiện cấm mốc xây dựng ngoài thực địa và chậm nhất là 60 ngày, kể từ ngày quy hoạch được công bố, phải hoàn thành việc cấm mốc chỉ giới xây dựng này.

c) Quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành của Nhà nước.

d) Hoàn chỉnh quy định quản lý đồ án quy hoạch được duyệt trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt với chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm hướng dẫn, phối hợp và quản lý, thực hiện theo đúng quy hoạch được duyệt.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Xây dựng; Tài nguyên và Môi trường; Giao thông Vận tải; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt, Giám đốc Trung tâm phát triển hạ tầng kỹ thuật thành phố Đà Lạt, Thủ trưởng các ngành, đơn vị và các cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành kể từ ngày ký. /g

### **Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website Văn phòng UBND tỉnh
- Lưu: VT, XD<sub>2</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đoàn Văn Việt**

